

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/08/2019

*“V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và
tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2019 về “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981; ĐKKH tại: xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1976; ĐKKH & trú tại: xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và trong quá trình giải quyết trình bày: Chị và anh Trần Văn H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ năm 1999 ở cùng với bố mẹ anh H tại xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống nên hai bên thường xảy ra cãi chửi nhau; mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu

thuần ngày càng nặng nề hơn; từ năm 2004 đến nay, chị và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể duy trì cuộc sống chung; Vì vậy chị yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1999; Trần Thị Hạnh V, sinh ngày 11/10/2001 và Trần Duy T, sinh ngày 04/12/2003. Khi giải quyết, chị xin được nuôi cháu Trần Thị Hạnh V, sinh ngày 11/10/2001, nhường quyền anh H nuôi cháu Trần Duy Th, sinh ngày 04/12/2003, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Đối với cháu Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1999 đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H trong bản tự khai ngày 25/06/2019 và trong quá trình giải quyết trình bày: Anh xác nhận việc chung sống như vợ chồng như chị L nêu, đồng thời cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn và diễn biến mâu thuẫn như chị L trình bày. Anh cũng xác định hiện tại tình cảm giữa anh và chị L không còn không thể duy trì cuộc sống chung nên nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng cho anh và chị L.

Về con chung: Anh cũng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Thị Mỹ H, Trần Thị Hạnh V và Trần Duy T. Khi giải quyết anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Trần Thị Hạnh V, sinh ngày 11/10/2001 và Trần Duy T sinh ngày 04/12/2003; anh không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền nuôi 02 con chung cho anh. Đối với cháu Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1999 hiện đã khôn lớn trưởng thành tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản và công nợ: Anh và chị L không có nên anh không yêu cầu xem xét giải quyết.

Các con chung chưa thành niên thuộc trường hợp phải hỏi ý kiến theo quy định là cháu Trần Thị Hạnh V và Trần Duy T đều có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên hòa giải ngày 29/07/2019, chị L và anh H đã thống nhất thỏa thuận về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, theo thỏa thuận anh H được quyền nuôi cả hai con chung chưa thành niên là Trần Thị Hạnh V và Trần Duy T, chị L không phải đóng góp tiền nuôi 02 con chung cho anh H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn về tố tụng : Nguyên đơn và bị đơn những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14,15, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Văn H; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là Trần Thị Hạnh V và Trần Duy T; chị L

không phải đóng góp tiền nuôi 02 con chung cho anh H; chị L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc Yêu cầu không công nhận là vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung với anh Trần Văn H cư trú tại xóm H, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Chị Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đơn.

[2] Chị Liên và anh H đều xác định chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ năm 1999; hai bên sống chung hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn; từ năm 2004 đến nay, chị L và anh H đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Chị L và anh H đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng để ổn định cuộc sống mới.

[3]Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh H tại UBND xã V thì chính quyền địa phương xác nhận chị L và anh H về chung sống với nhau từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn và có 03 con chung; hiện nay chị L không còn chung sống với anh H tại xã V nữa các con chung hiện cả 03 con đang ở cùng anh H. UBND xã P, huyện T, tỉnh Đ nơi chị L cư trú, tại văn bản số 54 ngày 10/07/2019 cũng xác định không làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Văn H .

[4] Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định anh H và chị L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung không thể khắc phục được, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, vì vậy yêu cầu không công nhận họ là vợ chồng của chị L theo quy định tại điều 15 luật HNGĐ là có căn cứ cần được chấp nhận

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh H xác định có 03 con chung là Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1999; Trần Thị Hạnh V, sinh ngày 11/10/2001 và Trần Duy T, sinh ngày 04/12/2003. Hiện cháu H đã thành niên tự lập; còn cháu Trần Thị Hạnh V và cháu Trần Duy T hai bên đã thỏa thuận giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Thỏa thuận giữa chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định tại Điều 81 luật HNGĐ cần được chấp nhận

[6] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim L với anh Trần Văn H.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Giao anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là Trần Thị Hạnh V, sinh ngày 11/10/2001 và Trần Duy T sinh ngày 04/12/2003 đến khi thành niên; chị L không phải đóng góp tiền nuôi dưỡng 02 con chung cho anh H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3/ Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000^d án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 3063 ngày 19/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V, P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh